

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 03/2018/QĐDS-ST

Ngày 07/8/2018.

*“V/v Thông báo tìm kiếm
người vắng mặt tại nơi cư trú”.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH QUẢNG NGÃI

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Chủ tọa phiên họp: Ông Đàm Quang Hiệp - Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Ông Trần Nguyễn Trọng Thành - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên họp: Bà Trần Thị Thu Lệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 03/2018/TLST-VDS, ngày 19 tháng 6 năm 2018 về yêu cầu *“Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú”* theo Quyết định mở phiên họp số: 10/2018/QĐPH-ST, ngày 12 tháng 7 năm 2018; Quyết định hoãn phiên họp số 01/2018/QĐST-VDS, ngày 24 tháng 7 năm 2018.

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Phạm Tùng S.

Địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Luật sư Bùi Trọng H, thuộc Công ty luật TNHH B. – TP.H

Địa chỉ: 223 Đ, phường 26, quận B, thành phố H.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị N

Địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Tại phiên họp, ông S có mặt; ông H, bà N vắng mặt.

3. Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết:

Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với bà Trần Thị N

Địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi nhận định:

Theo biên bản làm việc ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện M thì, bà Trần Thị N có địa chỉ tại thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi, hiện nay không có mặt tại địa phương, bà N đã đi khỏi địa phương từ nhiều năm nay. Đồng thời, bà N hiện nay không có hộ khẩu thường trú tại địa phương, đã chuyển khẩu đi nơi khác từ năm 2011 đến nay.

Theo quy định tại **Điều 40 Bộ luật dân sự** thì:

1. *“Nơi cư trú của cá nhân là nơi người đó thường xuyên sinh sống”*
2. *“Trường hợp không xác định được nơi cư trú của cá nhân theo quy định tại khoản 1 Điều này thì nơi cư trú của cá nhân là nơi người đó đang sinh sống”.*

Mặc khác, tại **Điều 12 Luật cư trú** quy định:

1. *Nơi cư trú của công dân là chỗ ở hợp pháp mà người đó thường xuyên sinh sống. Nơi cư trú của công dân là nơi thường trú hoặc nơi tạm trú.*

Chỗ ở hợp pháp là nhà ở, phương tiện hoặc nhà khác mà công dân sử dụng để cư trú. Chỗ ở hợp pháp có thể thuộc quyền sở hữu của công dân hoặc được cơ quan, tổ chức, cá nhân cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ theo quy định của pháp luật.

Nơi thường trú là nơi công dân sinh sống thường xuyên, ổn định, không có thời hạn tại một chỗ ở nhất định và đã đăng ký thường trú.

Nơi tạm trú là nơi công dân sinh sống ngoài nơi đăng ký thường trú và đã đăng ký tạm trú.

2. *Trường hợp không xác định được nơi cư trú của công dân theo quy định tại khoản 1 Điều này thì nơi cư trú của công dân là nơi người đó đang sinh sống.*

Theo đơn đề nghị xác minh nơi cư trú của người bị yêu cầu đề ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Luật sư Bùi Trọng H và ngày 01 tháng 8 năm 2018 của ông Phạm Tùng S. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện M tiến hành xác minh làm rõ các vấn đề:

- Đề nghị Tòa án nhân dân huyện M yêu cầu Công an xã Đ có văn bản trả lời cụ thể hơn, rõ ràng hơn về số nhà và tên đường trong hồ sơ chuyển hộ khẩu vào TP.H của bà Trần Thị N và cung cấp toàn bộ hồ sơ chuyển hộ khẩu của bà Trần Thị N (bao gồm cả phiếu chuyển hộ khẩu đi của bà N). Vấn đề này Tòa án đã làm việc với Công an xã Đ vào ngày 06 tháng 7 năm 2018, bà N đã chuyển khẩu đi nơi khác từ năm 2011.

- Đề nghị Tòa án nhân dân huyện M yêu cầu Công an Phường 16, Quận 8, TP.H tiến hành xác minh nơi cư trú cụ thể hiện nay của bà Trần Thị N (bao gồm số nhà, tên đường) tại Phường 16, Quận 8, TP.H và nếu bà N lại tiếp tục chuyển đi thì chuyển đi đến địa chỉ nào? Theo quy định tại khoản 3 Điều 362 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì “*Kèm theo đơn yêu cầu, người yêu cầu phải gửi tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp*”. Hơn nữa, ông Phạm Tùng S yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M “*Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú*” đối với bà Trần Thị N, nơi đăng ký thường trú tại thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Vì vậy, yêu cầu của ông không được chấp nhận.

Vì bà N đã cắt khẩu khỏi địa phương xã Đ, huyện M từ năm 2011 mãi đến nay và không sinh sống tại địa phương. Do đó, nơi cư trú của bà N không còn ở xã Đ. Vì vậy, Tòa án không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Tùng S về việc “*Yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú*” đối với bà Trần Thị N là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 40 Bộ luật dân sự và Điều 12 Luật cư trú.

Vấn đề áp dụng biện pháp quản lý tài sản của người vắng mặt tại nơi cư trú, ông S không yêu cầu nên không xem xét.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, ông Phạm Tùng S được miễn tiền lệ phí Tòa án.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M phát biểu quan điểm: Đề nghị Tòa án nhân dân huyện M áp dụng Điều 12 Luật cư trú 2006; Điều 40, 64 BLDS 2015; Điều 27, 35, 39, 361, 369, 381 Bộ luật tố tụng dân sự Không chấp nhận yêu cầu của ông S về việc “*Yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú*” đối với bà N.

Tại phiên họp, kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên họp phát biểu ý kiến cho rằng Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết việc dân sự và đề nghị áp dụng các Điều 27, 35, 361, 367, 369, 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 64 Bộ luật dân sự năm 2015 không chấp nhận yêu cầu của ông S .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; Các Điều 361, 366, 370, 371 và 372 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 40, 64 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 Luật cư trú năm 2006; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số

326/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Tùng S về việc “Yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú” đối với bà Trần Thị N.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự: ông S được miễn

3. Người yêu cầu có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ra quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt tại phiên họp đọc tính từ ngày họ nhận đọc quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Nơi nhận :

- VKSND huyện M;
- Các đương sự;
- THADS huyện M;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đàm Quang Hiệp